

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2023/HS-ST

Ngày 17 - 4 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Bằng.

Ông Nguyễn Văn An

- Thư ký phiên tòa: Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Thị D, sinh ngày 07 tháng 10 năm 1978, tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nguyên quán: Thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi ở hiện tại: TDP T, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Bùi Xuân T và con bà Bùi Thị M; chồng là Đỗ Văn H, sinh năm 1976 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại cư trú (có mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thị D có hợp đồng đại lý xổ số với Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết tỉnh Vĩnh Phúc. Trong quá trình bán vé xổ số, D đã thực hiện việc bán số lô, số đề cho những người có nhu cầu. Vào lúc 17 giờ 45 phút ngày 19/12/2022, tại nhà ở của D ở TDP T, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc có 02 người tự khai là Lê Văn H, sinh năm 1989 và Nguyễn Văn T, sinh năm

1984, đều trú tại thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang đến mua số lô, số đề của D.

D thỏa thuận với H và T là số lô thì D tính với giá là 22.500đ/01 điểm lô, nếu trúng thì D trả 80.000đ/01 điểm lô, đối với số đề D tính 90% tổng số tiền mà H và T mua và nếu trúng số đề thì D trả gấp 70 lần, việc thắng thua dựa vào kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng cùng ngày. Sau đó, Lê Văn H mua các số lô 15, 51 mỗi con 50 điểm, số lô 23, 32 mỗi con 25 điểm, tổng 04 số lô = 150 điểm x 22.500đ/1 điểm = 3.375.000đ. H đưa cho D số tiền là 3.375.000đ, đồng thời D đưa cho H một mảnh giấy (cáp) để H giữ.

Tiếp đó, Nguyễn Văn T mua các số lô 16, 61, 56 mỗi con 25 điểm, tổng là 75 điểm x 22.500đ/1 điểm = 1.687.500đ, các số đề 16, 61 mỗi số 110.000đ = 220.000đ. Tổng số tiền số lô, số đề T mua là 1.907.500đ (do không có tiền lẻ nên T trả cho D số tiền là 1.908.000).

Tổng số tiền D bán số lô, số đề cho H và T là 5.283.000đ, số tiền này H và T đã đưa cho D. Sau khi D vừa bán số lô, số đề cho H và T xong thì Cơ quan Công an vào kiểm tra, bắt quả tang và thu giữ các đồ vật: Số tiền 5.282.500đ thu của Bùi Thị D; 01 chiếc bút bi màu xám xanh; 01 tờ giấy A4 có chữ và số; 02 mảnh giấy cáp có chữ và số.

Tại cơ quan điều tra, Bùi Thị D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra D còn khai nhận, ngoài lần bán số lô, số đề bị bắt quả tang thì D không bán số lô, số đề cho ai; số tiền bán số lô, số đề D giữ lại để tính thắng thua với người chơi mà không chuyển bảng cho ai.

Tại Cáo trạng số 37/VKS-P2 ngày 01 tháng 3 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Bùi Thị D về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Thị D khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội D nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo về tội “Đánh bạc” là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị D đều phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Bùi Thị D từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến

18 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Thị D từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 5.283.000đ; Tịch thu tiêu hủy 01 bút bi màu xanh xám đã cũ; 02 tờ giấy (cáp) có ghi chữ và số; 01 tờ giấy A4 có chữ và số lưu hồ sơ vụ án.

Ngoài ra, đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội D: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội D Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ và các kết luận giám định, số tiền thu được của bị cáo do phạm tội mà có, tang vật thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 17 giờ 45 phút, ngày 19/12/2022, tại nhà ở của Bùi Thị D ở TDP T, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, khi D đang bán số lô, số đề cho 02 người nam giới tự khai tên là Lê Văn H, sinh năm 1989 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1984, đều khai trú tại thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang với tổng số tiền là 5.283.000đ thì bị lực lượng Công an tỉnh phát hiện bắt quả tang.

Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Thị D đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi “Đánh bạc” được coi là tệ nạn xã hội cần lên án, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do đó bị cáo đều được hưởng hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Với các tình tiết như trên bị cáo đáng được hưởng sự khoan hồng của pháp luật và có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật cũng đủ để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được tự cải tạo, sửa chữa sai lầm để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với 02 người tự khai tên là Lê Văn H, sinh năm 1989 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1984, đều khai trú tại thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Kết quả điều tra xác định trên hệ thống sổ sách, cơ sở dữ liệu dân cư do UBND xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang quản lý không ai có nhân thân, lai lịch như lời khai của H và T. Do vậy Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ nhân thân, lai lịch của 02 người này sẽ xem xét xử lý sau là phù hợp.

[3] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ bị cáo Bùi Thị D hiện có thu nhập do vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo mới đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật. Mức phạt 10.000.000đ là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Số tiền 5.283.000đ (thu của D khi bắt quả tang) là tiền dùng vào việc đánh bạc cần tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

- 02 tờ giấy (cáp) có ghi chữ và số và 01 tờ giấy A4 có chữ và số cần lưu hồ sơ vụ án.

- 01 chiếc bút bi màu xanh là công cụ dùng vào việc phạm tội cần tịch thu, tiêu hủy.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị D phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Xử phạt bị cáo Bùi Thị D 06 tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Thị D cho Ủy ban nhân dân phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Bùi Thị D số tiền 10.000.000đ sung ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.283.000đ

- Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc bút bi màu xanh.

(Toàn bộ vật chứng nêu trên có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 07 tháng 3 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm

2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Bùi Thị D phải chịu 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQĐT - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- UBND phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- - Lưu: Hồ sơ, Tòa HS, HC-TP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy Mai